

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	6 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	8 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 53

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (tên tiếng Anh là Tien Giang Investment and Construction Joint Stock Company, tên viết tắt là TICCO) tiền thân là Công ty Xây dựng Thủy lợi Tiền Giang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 5017/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2003. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5303000020 (số mới là 1200526842) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi đến lần thứ 12 ngày 23 tháng 9 năm 2014.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 51/2011/QĐ-SGDHCM ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 8.000.0000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 80.000.000.000 VND. Ngày 28 tháng 7 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là THG.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 28/2011/GCNCP-VSD-1 ngày 19 tháng 02 năm 2014 và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 49/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 02 năm 2014 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 8.000.0000 cổ phiếu lên 10.000.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

- **Vốn pháp định** : 6.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 100.000.000.000 VND
- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Điện thoại : (84-073) 3 872 878
Fax : (84-073) 3 850 597
Website : www.ticco.com.vn
Email : ticco@ticco.com.vn
Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2

Chi nhánh

Tên Chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sàn Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL)
Địa chỉ : Số 166, Đường Ấp Bắc, Phường 4, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Mã số thuế : 1 2 0 0 5 2 6 8 4 2 - 0 0 7

Địa điểm kinh doanh

Địa điểm số 1 : Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Địa điểm số 2 : Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi
Địa điểm số 3 : Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng
Địa điểm số 4 : Xí nghiệp Thi công Cơ giới
Địa chỉ : Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

• Ngành, nghề kinh doanh

Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương. Kinh doanh cát san lấp. Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản. Thi công xây dựng các công trình dân dụng. Thi công xây dựng các công trình công nghiệp. Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan. Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi. Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn. Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát. Quảng cáo bất động sản. Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO	Lô 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất, kinh doanh bê tông	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO	Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	Số 3 Lê Lợi, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Thi công công trình xây dựng thủy lợi	75,42%	75,42%

Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Testco	Lô 1, 2, 3 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang	Thiết kế, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày từ nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Tín	Phó Chủ tịch		
Ông Phan Văn Nghiệp	Thành viên		
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên		
Ông Lê Phú Cự	Thành viên		
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Hà Trường Hải	Trưởng ban		
Ông Vũ Duy Hưng	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Huy Giáp	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	01/8/2014	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm Báo cáo này (từ trang 8 đến trang 53).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN HOÀNG HUÂN - Tổng Giám đốc

Tiền Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Số : 0233/2015/BCTC-KTY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2015, từ trang 8 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2015



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

VÕ THÊ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0484-2013-037-1

NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0474-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		295.739.576.443	242.193.967.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	112.384.155.114	28.186.787.314
1. Tiền	111		50.943.293.727	14.275.132.331
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.440.861.387	13.911.654.983
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		177.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	177.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.214.428.984	120.223.959.769
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	118.671.291.456	123.925.364.823
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	3.487.157.604	7.955.460.160
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	5.098.248.642	3.569.137.059
4. Dự phòng phải thu khó đòi	139	V.6	(17.042.268.718)	(15.226.002.273)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	63.834.893.247	87.715.230.635
1. Hàng tồn kho	141		64.156.879.284	87.715.230.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(321.986.037)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.129.099.098	6.067.990.035
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	211.625.768	34.473.223
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		893.881.965	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.21	96.062.613	4.040.680
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	7.927.528.752	6.029.476.132
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109.965.079.036	119.801.685.278
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		96.554.122.328	107.035.377.489
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	91.652.635.223	99.008.324.913
Nguyên giá	222		238.178.705.598	225.542.969.483
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.526.070.375)	(126.534.644.570)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.375.810.160	2.490.687.252
Nguyên giá	228		2.821.818.560	2.821.818.560
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(446.008.400)	(331.131.308)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	2.525.676.945	5.536.365.324
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	802.108.000	802.108.000
Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		302.162.134	305.947.098
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	302.162.134	305.947.098
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.306.686.574	11.658.252.691
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	3.339.822.810	4.266.345.629
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	8.347.844.376	6.772.887.674
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	619.019.388	619.019.388
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		405.704.655.479	361.995.653.031

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		242.605.327.193	202.560.065.793
I. Nợ ngắn hạn	310		236.844.327.193	196.092.152.700
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	70.334.005.314	53.955.824.893
2. Phải trả người bán	312	V.19	60.412.552.654	50.783.605.387
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	49.176.035.911	27.116.492.130
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	9.208.030.141	8.180.343.503
5. Phải trả người lao động	315		7.881.799.953	6.411.672.841
6. Chi phí phải trả	316	V.22	30.529.532.178	39.554.151.717
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	4.919.493.810	5.061.497.099
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	2.864.457.297	2.425.455.859
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	1.518.419.935	2.603.109.271
II. Nợ dài hạn	330		5.761.000.000	6.467.913.093
Vay và nợ dài hạn	334	V.26	5.761.000.000	6.467.913.093
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		157.997.155.026	154.017.128.200
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	157.997.155.026	154.017.128.200
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.161.960.295	41.121.469.772
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.906.133.465	7.211.807.781
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.229.061.266	14.983.850.647
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.28	5.102.173.260	5.418.459.038
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		405.704.655.479	361.995.653.031

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
- Dollar Mỹ (USD)		405,23	420,67
- Euro (EUR)		3.390,61	3.398,20

Tiền Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG
TRẦN HOÀNG HUÂN
 Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯƠNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MINH THU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

(Có số liệu so sánh năm 2013)

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		525.600.009.856	432.628.696.073
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		551.231.706	383.436.369
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	525.048.778.150	432.245.259.704
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	437.038.476.577	351.439.076.002
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.010.301.573	80.806.183.702
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.257.050.297	1.261.985.442
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.939.143.562	6.955.966.230
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.894.876.260	6.717.471.049
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	45.387.370.647	33.093.214.948
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	25.982.469.350	28.283.166.084
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.958.368.311	13.735.821.882
11. Thu nhập khác	31		9.237.939.139	7.184.753.981
12. Chi phí khác	32		3.527.824.846	4.361.923.283
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	5.710.114.293	2.822.830.698
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45	V.14	42.162.134	50.927.103
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.710.644.738	16.609.579.683
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	3.273.415.616	2.819.011.043
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.16	(1.574.956.702)	160.264.019
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>17.012.185.824</u>	<u>13.630.304.621</u>
19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông thiểu số	61	V.28	85.518.589	148.696.161
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		<u>16.926.667.235</u>	<u>13.481.608.460</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.692,67</u>	<u>1.685,20</u>

Tiền Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2015



TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯƠNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MINH THU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		18.710.644.738	16.609.579.683
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		20.114.108.389	19.050.594.642
- Các khoản dự phòng	03		2.138.252.482	4.125.618.599
- Lỗ/ (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		10.387.894	(5.214.240)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.333.891.157)	(1.892.303.833)
- Chi phí lãi vay	06		4.894.876.260	6.717.471.049
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		44.534.378.606	44.605.743.900
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	6.184.410.896	(5.117.532.430)
- Giảm hàng tồn kho	10		23.996.354.755	19.887.892.207
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải trả)	11	VII	24.261.302.040	(9.726.116.752)
- Tăng chi phí trả trước	12		749.370.274	(2.052.723.202)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VII	(5.364.311.869)	(8.037.743.249)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.896.027.043)	(2.206.283.536)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	2.157.766.955
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.331.331.500)	(3.914.410.972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.134.146.159	35.596.562.921
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(9.908.596.123)	(11.093.144.781)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		54.545.455	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(177.000.000)	894.627.272
- Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	1.253.967.875	1.382.338.150
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.777.082.793)	(8.816.179.359)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		280.993.593.947	240.860.113.007
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(265.322.326.619)	(267.364.160.010)
- Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	(1.140.200.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(12.820.575.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.850.692.328	(39.644.247.003)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		84.207.755.694	(12.863.863.441)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		28.186.787.314	41.045.436.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.387.894)	5.214.240
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	112.384.155.114	28.186.787.314



Tiền Giang, ngày 29 tháng 3 năm 2015

TRẦN HOÀNG HUẤN
Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯƠNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ MINH THU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Kinh doanh bất động sản
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương. Kinh doanh cát san lấp. Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản. Thi công xây dựng các công trình dân dụng. Thi công xây dựng các công trình công nghiệp. Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước. San lấp mặt bằng. Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan. Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cống công trình thủy lợi. Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn. Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát. Quảng cáo bất động sản. Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty (bao gồm nhân viên của các Công ty con) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 433 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 445 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày cuối kỳ kế toán.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các Báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thiếu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào Công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

6. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và khoản ký quỹ, ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và dài hạn, phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả ngắn hạn khác và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 30
Máy móc thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 15
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản khác	5 - 10

11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chi phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm lập Báo cáo.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm các quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị của 2 quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung - Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ với diện tích đất tương ứng là 125,5 m² và 103,5 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và số 00463 do Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ cấp ngày 30 tháng 11 năm 2004.

Bất động sản đầu tư là giá trị của các quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trả trợ cấp mất việc và các chi phí khác.

- Chi phí trả trợ cấp mất việc là toàn bộ chi phí mà Công ty chi ra để tính giảm nhân sự trong năm bao gồm trợ cấp mất việc làm, tiền hỗ trợ tìm việc làm,... Chi phí trả trợ cấp mất việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm theo quy định tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.
- Các chi phí khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày cuối kỳ kế toán.

Chi phí bảo hành công trình xây dựng/ cơ khí

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng công trình xây dựng/ cơ khí có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 0,5% và 1% trên doanh thu quyết toán của công trình xây dựng/ cơ khí có yêu cầu bảo hành. Chi phí bảo hành công trình xây dựng/ cơ khí được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung trong kỳ.

17. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

21. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	726.484.929	526.374.699
Tiền gửi ngân hàng (i)	50.216.808.798	13.748.757.632
Các khoản tương đương tiền (ii)	61.440.861.387	13.911.654.983
Cộng	112.384.155.114	28.186.787.314

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã thế chấp toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

(ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 7%/năm.

Trong đó, số dư tiền gửi kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 26.308.232.043 VND được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (công ty con) theo Hợp đồng cầm cố bằng tài sản của bên thứ ba số 04/2014/433488/HĐBĐ ngày 18 tháng 12 năm 2014 và số dư tiền gửi kỳ hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4.213.964.309 VND được đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty, xem Thuyết minh số V.27.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các khoản cho vay ngắn hạn</i>		
Ông Lê Thành Đạo	77.000.000	-
Ông Phan Văn Châu	100.000.000	-
Cộng	177.000.000	-

Công ty cho các cá nhân vay tiền trong thời gian 8 tháng với lãi suất 5%/năm.

3. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bán vật liệu xây dựng	480.810.675	874.507.675
Phải thu khách hàng bán bê tông	51.843.255.193	41.933.010.627
Phải thu khách hàng thi công công trình	54.885.293.323	48.803.609.436
Phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí	3.705.394.822	14.520.549.704
Phải thu khách hàng thi công cơ giới	49.972.664	-
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	7.706.564.779	17.793.687.381
Cộng Phải thu khách hàng	118.671.291.456	123.925.364.823

Dự phòng phải thu khách hàng bán bê tông khó đòi	(10.924.079.112)	(8.552.640.335)
Dự phòng phải thu khách hàng thi công công trình khó đòi	(3.967.196.045)	(3.590.176.320)
Dự phòng phải thu khách hàng sửa chữa, gia công cơ khí khó đòi	(193.485.978)	(138.204.270)
Dự phòng phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khó đòi	(1.571.361.600)	(2.545.585.365)
Cộng Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	(16.656.122.735)	(14.826.606.290)

Phải thu khách hàng thuần	102.015.168.721	109.098.758.533
----------------------------------	------------------------	------------------------

Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã thế chấp quyền đòi nợ (khoản phải thu) cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2014/433488/HDBL ngày 6 tháng 8 năm 2014.

4. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán kinh doanh vật liệu xây dựng	34.708.136	-
Trả trước cho người bán sản xuất, kinh doanh bê tông	256.535.000	147.646.050
Trả trước cho người bán thi công công trình	2.603.769.230	6.768.511.610
Trả trước cho người bán sửa chữa, gia công cơ khí	314.118.738	274.425.000
Trả trước cho người bán thi công cơ giới	-	-
Trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất	278.026.500	764.877.500
Cộng Trả trước cho người bán	3.487.157.604	7.955.460.160

Dự phòng trả trước cho người bán thi công công trình khó đòi	(108.119.483)	(108.119.483)
--	---------------	---------------

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng trả trước cho người bán liên quan đến hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất khó đòi	(278.026.500)	(291.276.500)
Cộng Dự phòng trả trước cho người bán khó đòi	<u>(386.145.983)</u>	<u>(399.395.983)</u>
Trả trước cho người bán thuần	<u>3.101.011.621</u>	<u>7.556.064.177</u>
5. Các khoản phải thu khác		
Sở Tài chính tỉnh An Giang	416.416.000	416.416.000
Thù lao Hội Đồng Quản trị	-	131.611.268
Các khoản phải thu khác	4.681.832.642	3.021.109.791
Lãi tiền gửi	128.365.883	96.420.796
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	750.000.000	-
Bảo hiểm xã hội	118.648.395	24.918.378
Bảo hiểm y tế	6.251.230	2.072.761
Bảo hiểm thất nghiệp	4.086.755	1.381.840
Quỹ lương chi vượt	530.696.561	384.794.367
Quỹ phúc lợi	78.895.000	-
Cổ tức	2.999.972.000	2.399.972.000
Các khoản phải thu khác	64.916.818	111.549.649
Cộng	<u>5.098.248.642</u>	<u>3.569.137.059</u>
6. Dự phòng phải thu khó đòi		
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi (xem Thuyết minh số V.3)	(16.656.122.735)	(14.826.606.290)
Dự phòng trả trước cho người bán khó đòi (xem Thuyết minh số V.4)	(386.145.983)	(399.395.983)
Cộng	<u>(17.042.268.718)</u>	<u>(15.226.002.273)</u>
7. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	14.620.504.215	9.227.876.298
Công cụ, dụng cụ	868.220.941	916.458.355
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	31.872.269.533	67.748.305.848
Thành phẩm	14.878.128.451	8.054.139.015
Hàng hóa	1.917.756.144	1.768.451.119
Cộng	<u>64.156.879.284</u>	<u>87.715.230.635</u>
(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:		
Các công trình gia công cơ khí	2.603.176.140	4.688.487.585
Các công trình xây dựng thủy lợi	4.520.603.167	20.294.308.852
Các dự án kinh doanh bất động sản	24.734.950.181	42.765.509.411
Các công trình thi công cơ giới	13.540.045	-
Cộng	<u>31.872.269.533</u>	<u>67.748.305.848</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Tiền thuê đất	-	25.994.051	25.994.051	-
Chi phí mua bảo hiểm	-	7.154.000	3.577.002	3.576.998
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	-	302.015.363	143.546.705	158.468.658
Chi phí công cụ, dụng cụ	14.107.565	273.084.347	237.611.800	49.580.112
Chi phí khác	20.365.658	821.644.030	842.009.688	-
Cộng	34.473.223	1.429.891.791	1.252.739.246	211.625.768

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000	41.000.000
Tạm ứng	7.886.528.752	5.988.476.132
Cộng	7.927.528.752	6.029.476.132

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tài	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	35.404.678.129	147.964.696.926	40.297.940.995	1.398.419.769	477.233.664	225.542.969.483
Tăng trong năm	4.267.467.945	4.966.291.905	3.445.905.932	-	-	12.679.665.782
Mua sắm mới	-	270.000.000	-	-	-	270.000.000
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản chuyển sang	4.267.467.945	4.696.291.905	3.445.905.932	-	-	12.409.665.782
Giảm trong năm	-	-	43.929.667	-	-	43.929.667
Nhượng bán, thanh lý	-	-	43.929.667	-	-	43.929.667
Số cuối năm	39.672.146.074	152.930.988.831	43.699.917.260	1.398.419.769	477.233.664	238.178.705.598
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu năm	8.419.347.819	93.853.993.900	23.445.223.315	731.409.661	84.669.875	126.534.644.570
Tăng trong năm	1.939.497.957	14.039.548.786	3.795.487.049	187.989.733	57.096.732	20.019.620.257
Khấu hao trong năm	1.939.497.957	14.039.548.786	3.795.487.049	187.989.733	57.096.732	20.019.620.257
Giảm trong năm	-	-	28.194.452	-	-	28.194.452
Nhượng bán, thanh lý	-	-	28.194.452	-	-	28.194.452
Số cuối năm	10.358.845.776	107.893.542.686	27.212.515.912	919.399.394	141.766.607	146.526.070.375
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	26.985.330.310	54.110.703.026	16.852.717.680	667.010.108	392.563.789	99.008.324.913
Số cuối năm	29.313.300.298	45.037.446.145	16.487.401.348	479.020.375	335.467.057	91.652.635.223

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá TSCD hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

Số đầu năm	1.011.097.825	3.199.344.077	1.167.747.173	43.181.818	-	5.421.370.893
Số cuối năm	946.313.311	24.731.597.286	2.695.871.471	393.720.305	-	28.767.502.373

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang thế chấp để đảm bảo các nợ vay ngân và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số V.18 và số V.26):

Số đầu năm	22.360.615.607	48.445.014.821	15.585.177.805	236.867.358	-	86.627.675.591
Số cuối năm	23.161.200.359	39.607.820.989	16.180.469.576	652.386.347	-	79.601.877.271

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Các quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Giá trị phần mềm kế toán của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Phần mềm kế toán</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.471.554.760	350.263.800	2.821.818.560
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.471.554.760	350.263.800	2.821.818.560
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	331.131.308	-	331.131.308
Tăng trong năm	56.499.792	58.377.300	114.877.092
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>56.499.792</i>	<i>58.377.300</i>	<i>114.877.092</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	387.631.100	58.377.300	446.008.400
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.140.423.452	350.263.800	2.490.687.252
Số cuối năm	2.083.923.660	291.886.500	2.375.810.160

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số V.18 và số V.26, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào tăng TSCĐ trong năm	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.457.861.160	3.984.772.865	5.401.724.934	-	40.909.091
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	169.364.429	3.382.072.822	2.924.986.649	207.313.695	419.136.907
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.909.139.735	2.373.951.321	4.082.954.199	134.505.910	2.065.630.947
Cộng	5.536.365.324	9.740.797.008	12.409.665.782	341.819.605	2.525.676.945

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty, Công ty không tính khấu hao các quyền sử dụng đất này.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	802.108.000	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-
Giá trị còn lại	<u>802.108.000</u>	<u>802.108.000</u>

14. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Testco	260.000.000	260.000.000
Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã nhận	42.162.134	45.947.098
Cộng	<u>302.162.134</u>	<u>305.947.098</u>

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Testco với giá trị vốn góp là 260.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của Công ty này. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Testco là thiết kết, giám sát, kiểm định thử nghiệm chất lượng công trình.

Thông tin tài chính tóm tắt về Công ty Cổ phần Testco được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng tài sản	1.602.926.561	1.590.949.143
Tổng công nợ	92.115.892	61.213.653
Tài sản thuần	1.510.810.669	1.529.735.490
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào Công ty liên kết	<u>302.162.134</u>	<u>305.947.098</u>

	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu (thuần)	1.413.049.789	1.266.594.500
Lợi nhuận thuần	210.810.669	229.735.490
Phần lợi nhuận được chia từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	<u>42.162.134</u>	<u>45.947.098</u>
Điều chỉnh do ảnh hưởng lợi nhuận các năm trước	-	4.980.005
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm	<u>42.162.134</u>	<u>50.927.103</u>

15. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí nhượng bán, thanh lý	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Trợ cấp mất việc	-	1.477.967.000	-	123.163.917	1.354.803.083
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	443.174.719	254.271.424	-	347.571.133	349.875.010
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.823.170.910	1.256.716.659	2.056.207.631	1.388.535.221	1.635.144.717
Cộng	<u>4.266.345.629</u>	<u>2.988.955.083</u>	<u>2.056.207.631</u>	<u>1.859.270.271</u>	<u>3.339.822.810</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ như sau:

	Chi phí phải trả	Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	Các khoản lỗ tính thuế	Khấu hao TSCĐ	Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ	Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất	Cộng
Số đầu năm	256.050.167	17.474.956	5.619.543.277	630.324.594	69.548.614	179.946.066	6.772.887.674
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2014	(108.644.725)	53.712.394	(628.156.092)	169.714.430	10.213.795	2.078.116.900	1.574.956.702
Số cuối năm	147.405.442	71.187.350	4.991.387.185	800.039.024	79.762.409	2.258.062.966	8.347.844.376

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 22.688.123.570 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 24.084.421.549 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 4.991.387.185 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 5.619.543.277 VND) theo khoản lỗ trên. Không có tài sản thuế hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại của năm 2009 với số tiền 204.963.706 VND vì đã hết hạn chuyển lỗ.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đảo hạn theo lịch biểu sau:

<u>Năm</u>	<u>Các khoản lỗ tính thuế</u>	<u>Ghi chú</u>
2016	1.694.250.683	Lỗ tính thuế năm 2011
2017	7.608.259.623	Lỗ tính thuế năm 2012
2018	13.385.613.264	Lỗ tính thuế năm 2013
Cộng	22.688.123.570	

Cơ quan Thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ khai thác khoáng sản	619.019.388	619.019.388
Cộng	619.019.388	619.019.388

18. Vay và nợ ngắn hạn

<i>Vay ngắn hạn</i>	69.649.805.314	42.767.336.083
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	69.649.805.314	42.767.336.083
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (i)</i>	13.460.418.537	3.183.155.458
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (ii)</i>	33.789.386.777	10.905.666.115
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (iii)</i>	22.400.000.000	28.678.514.510
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số V.27)</i>	684.200.000	11.188.488.810
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang đến hạn trả	351.200.000	5.964.488.810
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang</i>	351.200.000	454.400.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO</i>	-	5.235.488.810
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO</i>	-	274.600.000
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang	333.000.000	5.224.000.000
Cộng	70.334.005.314	53.955.824.893

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/433488/HĐTD ngày 6 tháng 8 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 6 tháng 8 năm 2014 và 5, 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất Ngân hàng trong từng thời kỳ (lãi suất áp dụng trong năm từ 6%/ năm đến 9%/ năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi và thi công các công trình. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1), toàn bộ tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.10) và toàn bộ số dư tiền ngân hàng để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.1).

Ngoài ra, Công ty còn ký kết với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2014/433488/HĐBL ngày 6 tháng 8 năm 2014 với hạn mức bảo lãnh là 110.000.000.000 VND và thời hạn 12 tháng kể từ ngày 6 tháng 8 năm 2014. Như điều kiện đảm bảo tại Hợp đồng tín dụng hạn mức được trình bày ở trên, Công ty còn thế chấp quyền đòi nợ (khoản phải thu) (xem Thuyết minh số V.3) và ký quỹ 5%/số tiền bảo lãnh tương đương 5.500.000.000 VND để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang cho Công ty là 104.916.744.852 VND.

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2014/1678922/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2014. Hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014 và thời hạn cho từng khoản vay cụ thể là 5 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể (lãi suất áp dụng từ 5%/năm - 8%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn.

Chi tiết tài sản được sử dụng để thế chấp cho khoản vay này như sau:

- Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/1678922/HĐBĐ và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/1678922/HĐBĐ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (xem Thuyết minh số V.10);
 - Các quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23 tháng 8 năm 2012; Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2013/HĐ ngày 24 tháng 8 năm 2013 (xem Thuyết minh số V.11);
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 02/2014/HĐ ngày 10 tháng 6 năm 2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2014/2136723/HĐTD ngày 18 tháng 12 năm 2014. Hạn mức tín dụng là 24.000.000.000 VND, thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2014 và thời hạn cho từng khoản vay cụ thể là 9 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể (lãi suất áp dụng trước tháng 6 năm 2014: 9%/năm, sau tháng 6 năm 2014: 8%/năm). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thi công các công trình. Khoản vay của Công ty đã được Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang đảm bảo bằng các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 26.308.232.043 VND theo Hợp đồng cầm cố bằng tài sản của bên thứ ba số 04/2014/433488/HĐBĐ ngày 18 tháng 12 năm 2014 (xem Thuyết minh số V.10).

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán vật liệu xây dựng	105.497.036	260.031.636
Phải trả người bán bê tông	41.965.592.231	29.637.163.869
Phải trả người bán thi công công trình	17.262.634.786	18.049.703.053
Phải trả người bán sửa chữa, gia công cơ khí	180.614.615	1.469.171.746
Phải trả người bán thi công cơ giới	490.710.635	-
Phải trả người bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất	407.503.351	1.367.535.083
Cộng	<u>60.412.552.654</u>	<u>50.783.605.387</u>

20. Người mua trả tiền trước

Người mua vật liệu xây dựng trả tiền trước	-	140.000.000
Người mua bê tông trả tiền trước	10.347.663.911	2.064.787.630
Người mua thi công công trình trả tiền trước	30.855.741.500	14.100.393.000
Người mua sửa chữa, gia công cơ khí trả tiền trước	1.010.460.000	9.228.000.000
Người mua thi công cơ giới	101.024.000	-
Người mua chuyển nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước	6.861.146.500	1.583.311.500
Cộng	<u>49.176.035.911</u>	<u>27.116.492.130</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước</i>	<i>5.959.306.588</i>	<i>21.902.926.503</i>	<i>22.512.017.585</i>	<i>5.350.215.506</i>
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước_Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (*)	1.908.848.374	3.410.108.786	5.403.965.070	(85.007.910)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	4.050.458.214	18.492.817.717	17.108.052.515	5.435.223.416
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>1.842.011.284</i>	<i>3.273.415.616</i>	<i>1.896.027.043</i>	<i>3.219.399.857</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	<i>31.258.439</i>	<i>1.460.287.797</i>	<i>1.257.920.585</i>	<i>233.625.651</i>
Thuế thu nhập cá nhân_Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (*)	(4.040.680)	17.572.056	775.179	12.756.197
Thuế thu nhập cá nhân_Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO (*)	450.850	364.447.742	375.953.295	(11.054.703)
Thuế thu nhập cá nhân_Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang	8.483.894	25.923.474	33.174.739	1.232.629
Thuế thu nhập cá nhân - Đầu tư vốn	-	638.628.784	493.284.757	145.344.027
Thuế thu nhập cá nhân - Không có hợp đồng lao động	26.364.375	413.715.741	354.732.615	85.347.501
<i>Tiền thuê đất</i>	<i>-</i>	<i>343.956.802</i>	<i>343.956.802</i>	
<i>Các loại thuế khác</i>	<i>343.726.512</i>	<i>103.099.995</i>	<i>138.099.993</i>	<i>308.726.514</i>
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế tài nguyên	12.999.998	35.099.995	48.099.993	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	330.726.514	55.000.000	77.000.000	308.726.514
Cộng	8.176.302.823	27.083.686.713	26.148.022.008	9.111.967.528

(*) Số thuế phải thu được trình bày ở chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải thu Nhà nước".

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Thuế suất 5% : Hoạt động thi công đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp

+ Thuế suất 10% : Hoạt động khác

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các qui định hiện hành.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả gia công sản phẩm cơ khí	83.398.340	2.258.400.972
Giá vốn ước tính của các dự án Khu Dân cư	26.582.466.355	34.847.086.465
Chi phí thi công công trình	3.447.215.037	2.097.838.240
Chi phí lãi vay phải trả	84.393.835	115.826.040
Các chi phí phải trả khác	332.058.611	235.000.000
Cộng	<u>30.529.532.178</u>	<u>39.554.151.717</u>

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	91.752.801	97.975.163
Bảo hiểm xã hội	29.148	115.690.505
Thù lao HĐQT	66.688.732	-
Thuế TNCN	5.467.802	5.467.802
Phải trả tiền tàu xe, ăn giữa ca, thù lao	47.427.000	56.416.000
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp	1.721.032.989	1.900.423.465
Hoa hồng bán hàng	484.779.174	484.779.174
Hoán đổi nền đất dự án Khu Dân cư đường Trương Định nổi dài	258.999.998	258.999.998
Lãi góp vốn đường Trương Định nổi dài	173.838.958	249.580.837
Phải trả về cổ phần hóa	176.790.020	172.790.020
Công ty Cổ phần Testco	13.186.591	13.186.591
Cổ tức phải trả	402.000.000	300.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.000.000	70.000.000
Các khoản phải khác	1.437.500.597	1.336.187.544
Cộng	<u>4.919.493.810</u>	<u>5.061.497.099</u>

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả các công trình xây dựng	2.289.946.017	1.861.325.148
Dự phòng phải trả các công trình cơ khí	574.511.280	564.130.711
Cộng	<u>2.864.457.297</u>	<u>2.425.455.859</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận (*)	Sử dụng các quỹ trong năm	Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	Số cuối năm
Năm trước					
Quỹ khen thưởng	1.436.060.424	1.336.180.335	(1.837.766.000)	-	934.474.759
Quỹ phúc lợi	1.862.840.365	1.609.878.000	(1.905.269.380)	-	1.567.448.985
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	120.634.699	-	-	(20.388.964)	100.245.735
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	939.792	-	-	-	939.792
Cộng	3.420.475.280	2.946.058.335	(3.743.035.380)	(20.388.964)	2.603.109.271
Năm nay					
Quỹ khen thưởng	934.474.759	431.291.435	(978.370.000)	-	387.396.194
Quỹ phúc lợi	1.567.448.985	835.739.689	(1.352.961.500)	-	1.050.227.174
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	100.245.735	-	-	(20.388.960)	79.856.775
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	939.792	-	-	-	939.792
Cộng	2.603.109.271	1.267.031.124	(2.331.331.500)	(20.388.960)	1.518.419.935

(*) Xem trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế tại Thuyết minh số V.27

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	3.021.000.000	3.277.913.093
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	687.000.000	3.277.913.093
<i>Khoản vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (i)</i>	687.000.000	1.038.200.000
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO</i>	-	2.130.113.093
<i>Khoản vay của Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO</i>	-	109.600.000
Vay dài hạn Công ty TMCP Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang (ii)	2.334.000.000	-
<i>Vay dài hạn cá nhân</i>	2.740.000.000	3.190.000.000
Vay bà Trương Huỳnh Ngọc Anh (iii)	2.740.000.000	3.190.000.000
Cộng	<u>5.761.000.000</u>	<u>6.467.913.093</u>

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang có các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng	Số 01/2012/HĐ ngày 29/08/2012	Số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013	Số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013	Cộng
Hạn mức vay (VND)	828.545.200	840.000.000	560.000.000	
Thời hạn vay	60 tháng			
Lãi suất	Lãi suất thả nổi (lãi suất áp dụng từ 9,5%/năm đến 11,5%/năm)			
Mục đích vay	Mua máy cắt thép và máy chấn tole	Mua máy đào Kobelco	Mua máy chấn tole Komatsu	
Đảm bảo tiền vay	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (xem Thuyết minh số VIII.1); - Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem Thuyết minh số V.10) 			
Số cuối năm	71.200.000	575.000.000	392.000.000	1.038.200.000
Trong đó: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được	71.200.000	168.000.000	112.000.000	351.200.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng	Số 01/2012/HĐ ngày 29/08/2012	Số 01/2013/HĐ ngày 11/04/2013	Số 02/2013/HĐ ngày 10/06/2013	Cộng
trình bày ở phần nợ ngắn hạn)				
Số phải trả sau 12 tháng	-	407.000.000	280.000.000	687.000.000
Số đầu năm	245.600.000	743.000.000	504.000.000	1.492.600.000

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	174.400.000	168.000.000	112.000.000	454.400.000
Số phải trả sau 12 tháng	71.200.000	575.000.000	392.000.000	1.038.200.000

(ii) Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo các Hợp đồng chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TD.1079.10/HĐTD ngày 9 tháng 3 năm 2011, Phụ lục Hợp đồng tín dụng số TD.1079.10/PLHĐTD ngày 22 tháng 02 năm 2012 và TD.1079.10.03/PLHĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 31.000.000.000 VND và thời hạn vay là 48 tháng. Mục đích của khoản vay để bồi thường, hỗ trợ dự án Khu Dân cư đường Trương Định nối dài. Khoản vay được trả hàng quý với số tiền là 1.306.000.000 VND, lãi vay cũng được trả hàng quý theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng (lãi suất áp dụng là 10,5%/năm).
- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số TA.0439.14/HĐTD ngày 21 tháng 7 năm 2014 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số TA.0439.14.04/PLHĐTD ngày 22 tháng 10 năm 2014 với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 VND và thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích của khoản vay để thi công thâm nhựa mặt đường (đợt 1) thuộc công trình Khu Dân cư đường Trương Định nối dài giai đoạn 2 địa điểm phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Khoản vay được trả hàng quý với số tiền là 333.000.000 VND, lãi vay cũng được trả hàng quý theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng (lãi suất áp dụng là 11%/năm).

Công ty sử dụng tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 06/1/2014/HĐTG-NHN-TGI ngày 6 tháng 01 năm 2014 để thế chấp cho các khoản vay này (xem Thuyết minh số V.1).

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	333.000.000	5.224.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.334.000.000	-
Cộng	2.667.000.000	5.224.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(333.000.000)	(5.224.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	2.334.000.000	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO có các khoản vay dài hạn bà Trương Huỳnh Ngọc Anh theo các Hợp đồng huy động vốn và Phụ lục có liên quan, thời hạn là 2 năm và lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	80.000.000.000	10.700.000.000	37.065.900.538	6.375.920.230	19.853.587.927	153.995.408.695
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	13.481.608.460	13.481.608.460
Tăng khác	-	-	55.569.234	16.798.384	105.921.762	178.289.380
Trích lập các quỹ	-	-	4.000.000.000	819.089.167	(6.457.267.502)	(1.638.178.335)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số cuối năm trước	80.000.000.000	10.700.000.000	41.121.469.772	7.211.807.781	14.983.850.647	154.017.128.200
Số đầu năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	41.121.469.772	7.211.807.781	14.983.850.647	154.017.128.200
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển (i)	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	-	-	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	16.926.667.235	16.926.667.235
Tăng khác	-	-	-	-	662.759.474	662.759.474
Trích lập quỹ các quỹ (ii)	-	-	40.490.523	694.325.684	(2.021.641.090)	(1.286.824.883)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(12.322.575.000)	(12.322.575.000)
Số cuối năm nay	100.000.000.000	10.700.000.000	21.161.960.295	7.906.133.465	18.229.061.266	157.997.155.026

(i) Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND trong năm 2014 từ Quỹ đầu tư phát triển với số lượng cổ phiếu tăng thêm là 2.000.000 cổ phiếu để thưởng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại Hội đồng ngày 23 tháng 4 năm 2013 và theo Thông báo số 917/2013/SGDHCM ngày 31 tháng 10 năm 2013 của SGD Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định số 49/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 02 năm 2014 về việc chấp nhận Công ty thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 8.000.000 cổ phiếu lên 10.000.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Công ty thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 02/NQ.ĐHĐCĐ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2014.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	8.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

28. Lợi ích cổ đông thiểu số

Tình hình biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong kỳ và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số đầu năm trước	4.915.900.000	185.090.261	55.952.133	246.173.987	5.403.116.381
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	148.696.161	148.696.161
Giảm khác	-	(55.569.234)	(16.798.384)	(60.985.886)	(133.353.504)
Số cuối năm trước	4.915.900.000	129.521.027	39.153.749	333.884.262	5.418.459.038
Số đầu năm nay	4.915.900.000	129.521.027	39.153.749	333.884.262	5.418.459.038
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	85.518.589	85.518.589
Trích quỹ các quỹ	-	13.195.839	6.597.920	(32.989.598)	(13.195.839)
Chia cổ tức	-	-	-	(102.000.000)	(102.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(286.608.528)	(286.608.528)
Số cuối năm nay	4.915.900.000	142.716.866	45.751.669	(2.195.275)	5.102.173.260

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	525.600.009.856	432.628.696.073
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	2.970.179.856	6.980.480.094
Doanh thu bán bê tông	305.556.585.931	236.393.441.022
Doanh thu thi công công trình	162.697.619.246	118.132.960.721
Doanh thu gia công sản phẩm cơ khí	20.917.399.117	39.310.358.821
Doanh thu thi công cơ giới	228.589.192	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	33.229.636.514	31.811.455.415
Các khoản giảm trừ doanh thu	(551.231.706)	(383.436.369)
Hàng bán bị trả lại	(420.574.248)	(114.272.004)
Giảm giá hàng bán	(130.657.458)	(269.164.365)
Doanh thu thuần	525.048.778.150	432.245.259.704

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán vật liệu xây dựng	440.677.825	3.989.602.935
Giá vốn thành phẩm bê tông	235.512.121.961	186.526.858.557
Giá vốn thi công công trình	161.592.791.273	123.709.993.464
Giá vốn gia công sản phẩm cơ khí	17.035.321.287	33.592.225.684
Giá vốn thi công cơ giới	657.379.444	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	21.800.184.787	3.620.395.362
Cộng	437.038.476.577	351.439.076.002

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	1.246.725.516	1.161.332.131
Lãi cho vay	6.193.267	-
Lãi thuê tài chính	-	85.022.088
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.088	849.126
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	5.214.240
Doanh thu tài chính khác	4.045.426	9.567.857
Cộng	1.257.050.297	1.261.985.442

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	4.894.876.260	6.717.471.049
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	135.718	26.170.212
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.387.894	-
Lãi mua hàng chậm trả	33.743.690	212.324.969
Cộng	4.939.143.562	6.955.966.230

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.279.614.957	6.042.039.903
Chi phí vật liệu, bao bì	15.165.639.935	12.036.242.793
Chi phí dụng cụ đồ dùng	3.829.454	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.956.537.122	2.992.253.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.244.851.608	7.644.201.014
Chi phí bằng tiền khác	5.736.897.571	4.378.477.460
Cộng	45.387.370.647	33.093.214.948

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	13.463.068.744	15.244.397.439
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	920.847.755	704.105.010
Chi phí dụng cụ quản lý	708.699.981	697.614.428
Chi phí khấu hao	1.113.640.153	954.784.771
Thuế phí và lệ phí	923.974.750	847.435.439
Chi phí dự phòng	1.816.266.445	2.981.833.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.106.863.877	925.120.373
Chi phí bằng tiền khác	5.929.107.645	5.927.875.460
Cộng	25.982.469.350	28.283.166.084

7. Lợi nhuận khác

Nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	54.545.455	946.445.454
Nhượng bán, thanh lý công cụ, dụng cụ	8.237.788.182	247.677.273
Doanh thu cho thuê mặt bằng	47.727.273	16.363.636
Doanh thu cho thuê xe	40.602.060	-
Hoàn nhập chi bảo hành công trình	764.042.336	595.051.605
Thu nhập từ hỗ trợ thi công	-	2.675.242.909
Thu nhập từ xử lý công nợ	72.120	2.311.557.217
Thu nhập khác	93.161.713	392.415.887
Thu nhập khác	9.237.939.139	7.184.753.981

GTCL của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	15.735.215	118.360.688
Chi phí nhượng bán, thanh lý công cụ, dụng cụ	2.288.147.154	-
Chi phí khấu hao của TSCĐ chưa sử dụng	818.838.686	961.043.520
Chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ chưa sử dụng	86.834.124	115.720.955
Chi phí xử lý do các dự án đã dừng lại	-	2.484.643.908
Chi tiền phạt	41.431.911	160.854.548
Chi phí khác	276.837.756	521.299.664
Chi phí khác	3.527.824.846	4.361.923.283

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	5.710.114.293	2.822.830.698
--	----------------------	----------------------

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.710.644.738	16.609.579.683
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	7.128.864.110	(10.371.286.890)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	7.733.077.101	4.363.531.122
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(604.212.991)	(14.734.818.012)
Trừ: Chuyển lỗ	(8.005.391.203)	-
Thu nhập chịu thuế	17.834.117.645	6.238.292.793
Thuế suất áp dụng, trong đó:		
Thuế suất áp dụng cho hoạt động ưu đãi	15%	15%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động thông thường	-	20%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.656.007.694	3.453.691.409
Trừ: Thuế được giảm 50% từ năm 2011 đến năm 2017 của hoạt động ưu đãi	(1.439.451.546)	(634.680.366)
Cộng: Chênh lệch thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu bất động sản trong năm	54.015.850	-
Cộng: Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	2.843.618	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.273.415.616	2.819.011.043

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO, Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2007) và 22% (năm 2013: 25%) trong những năm tiếp theo. Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (từ năm 2008 đến năm 2010) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2017). Năm 2014 là năm thứ 4 Công ty được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất áp dụng là 7,5% (giảm 50% của thuế suất 15%).
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh ngoài Khu Công nghiệp Mỹ Tho và thu nhập khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế suất 22% (năm 2013: 25%) tính trên thu nhập chịu thuế.
- Đối với các dự án kinh doanh bất động sản (bán nền đất) chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được trong kỳ theo quy định.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.926.667.235	13.481.608.460
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.926.667.235	13.481.608.460
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (*)	10.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.692,67	1.685,20

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	2.000.000	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	8.000.000

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	322.941.905.858	251.056.225.839
Chi phí nhân viên	73.098.916.537	73.320.147.156
Chi phí khấu hao	19.257.293.119	18.089.551.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.559.808.639	20.667.376.835
Chi phí bằng tiền khác	23.804.674.331	27.623.405.938
Cộng	479.662.598.484	390.756.706.890

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	128.365.883	96.420.796
Lãi cho vay phải thu	3.539.267	-
Chi phí lãi vay phải trả	84.393.835	115.826.040
Cổ tức đã tạm ứng	2.400.000.000	2.400.000.000
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	20.000.000.000	-

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	239.618.720	-
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm	96.420.796	-
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	115.826.040	148.811.671

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	886.894.532	877.497.372
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	3.547.578.128	3.509.989.488
Trên 5 năm	24.787.614.009	25.406.924.333
Cộng	29.222.086.669	29.794.411.193

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 2166/HĐ/ĐĐ ngày 23 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thuê 21.482,4 m² đất tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để làm Văn phòng làm việc Công ty, thời hạn thuê là từ ngày 25 tháng 11 năm 2008 đến ngày 01 tháng 01 năm 2047, tiền thuê đất hàng năm là 149.697.800 VND.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 90, đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (xem Thuyết minh số 19 và số V.27).

- Hợp đồng thuê lại đất số 01/HĐ/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 2003, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 11 năm 2003 và các Phụ lục số 01 ngày 18 tháng 11 năm 2004, Phụ lục số 02 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với Công ty Phát triển hạ tầng các khu công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 37.805 m² đất thuộc lô đất số 1-6 Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 44 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 11 năm 2003, đơn giá thuê là 0,6 USD/ m²/ năm;
- Hợp đồng thuê bãi số 38/HĐ.BB ngày 19 tháng 7 năm 2006 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO với Công ty Phát triển hạ tầng các khu công nghiệp Tiền Giang về việc thuê 9.721 m² đất có chiều dài cặp thềm bờ sông Tiền 13 m và kênh Xáng Cụt là 355 m trong Khu Công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, tỉnh Tiền Giang, thời hạn thuê là 40 năm bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2006, đơn giá thuê là 1 USD/m²/năm.
- Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ.ĐĐ ngày 22 tháng 7 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với UBND tỉnh An Giang về việc thuê 13.290,2 m² đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thời hạn thuê là 50 năm bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 2008, đơn giá thuê là 2.450 VND/ m²/ năm.
- Hợp đồng thuê đất số 23/HĐ.ĐĐ ngày 11 tháng 8 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang với UBND tỉnh An Giang về việc thuê 314,2 m² đất tại phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thời hạn thuê là 50 năm bắt đầu từ ngày 31 tháng 7 năm 2008. Đơn giá thuê là 42.000 VND/ m²/ năm đối với vị trí 1 có diện tích là 243 m² và là 25.200 VND/m²/năm đối với vị trí 2 có diện tích là 71,2 m².

2. Cam kết vốn

Công ty có ký Hợp đồng mua thiết bị cần trục số 049/NAMVIET-HĐ/2014 ngày 02 tháng 12 năm 2014 với Công ty TNHH Cơ khí Nam Việt với giá trị là 544.588.000 VND và đã trả trước cho giá trị của Hợp đồng này là 239.618.720 VND. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty còn cam kết phải trả cho Hợp đồng mua thiết bị cần trục là 304.969.280 VND.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Testco

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhận cổ tức	<u>36.533.446</u>	<u>34.416.602</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có số dư với Công ty Cổ phần Testco như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	30.899.600	
Phải trả khác	13.186.591	13.186.591

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao HĐQT/ HĐTV	1.456.145.894	1.239.118.474
Thù lao Ban kiểm soát/ Thành viên BKS	315.000.000	263.000.000
Lương thưởng BTGD/ BGD	1.347.499.104	1.332.973.737
Cộng	3.118.644.998	2.835.092.211

4. Thông tin bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 6 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh bê tông; Thi công công trình; Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí; Thi công cơ giới và Kinh doanh bất động sản. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 6 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 6 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu xây dựng, Xí nghiệp trực thuộc Công ty.
- Bộ phận sản xuất, kinh doanh bê tông: Sản xuất, kinh doanh bê tông tươi và bê tông đúc sẵn. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO, Công ty con của Công ty.
- Bộ phận thi công công trình: Chủ yếu thi công công trình xây dựng thủy lợi. Đây là hoạt động kinh doanh chính Công ty, Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi (Xí nghiệp trực thuộc Công ty), Công ty TNHH MTV Xây dựng TICCO (Công ty con của Công ty) và Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (Công ty con của Công ty).
- Bộ phận thi công cơ giới: Đây là hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp Kinh doanh Thi công cơ giới, Xí nghiệp trực thuộc Công ty.
- Bộ phận sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí: Chủ yếu sản xuất, gia công cửa cống cho công trình thủy lợi. Đây là hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa, Xí nghiệp trực thuộc Công ty.
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Chủ yếu thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các khu dân cư, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông. Đây là một bộ phận kinh doanh của Công ty và là hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang - Sản Giao dịch Bất động sản TICCO (TICCOREAL).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bê tông	Thị công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thị công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ số dư giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Tài sản										
Tài sản bộ phận	4.013.357.745	168.066.664.308	134.345.133.780	7.361.072.747	1.658.460.743	31.484.722.289	-	346.929.411.612	(48.829.355.588)	298.100.056.024
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	213.991.706.918	213.991.706.918	(106.387.107.463)	107.604.599.455
Tổng tài sản	4.013.357.745	168.066.664.308	134.345.133.780	7.361.072.747	1.658.460.743	31.484.722.289	213.991.706.918	560.921.118.530	(155.216.463.051)	405.704.655.479
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	132.987.341	130.066.664.308	130.856.556.621	3.620.806.863	1.420.611.914	36.521.071.642	-	302.618.698.689	(81.571.643.611)	221.047.055.078
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	22.852.816.954	22.852.816.954	(1.294.544.839)	21.558.272.115
Tổng nợ phải trả	132.987.341	130.066.664.308	130.856.556.621	3.620.806.863	1.420.611.914	36.521.071.642	22.852.816.954	325.471.515.643	(82.866.188.450)	242.605.327.193
Số đầu năm										
Tài sản										
Tài sản bộ phận	4.779.061.049	137.194.622.224	149.398.259.155	23.303.678.561	-	58.845.273.512	-	373.520.894.501	(49.395.716.549)	324.125.177.952
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	141.891.582.438	141.891.582.438	(104.021.107.359)	37.870.475.079
Tổng tài sản	4.779.061.049	137.194.622.224	149.398.259.155	23.303.678.561	-	58.845.273.512	141.891.582.438	515.412.476.939	(153.416.823.908)	361.995.653.031
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	477.351.923	99.194.622.224	125.362.944.462	15.158.955.990	-	39.190.093.571	-	279.383.968.170	(92.716.418.254)	186.667.549.916
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	17.542.459.112	17.542.459.112	(1.649.943.235)	15.892.515.877
Tổng nợ phải trả	477.351.923	99.194.622.224	125.362.944.462	15.158.955.990	-	39.190.093.571	17.542.459.112	296.926.427.282	(94.366.361.489)	202.560.065.793

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bê tông	Thi công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thi công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bổ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Doanh thu thuần bộ phận	18.160.303.714	322.051.226.803	247.689.919.516	22.187.183.244	818.937.436	33.229.636.514	-	644.137.207.227	(119.088.429.077)	525.048.778.150
Giá vốn bộ phận	(15.403.420.982)	(251.359.264.933)	(247.081.012.125)	(18.417.559.793)	(1.494.291.463)	(21.800.184.787)	-	(555.555.734.083)	118.517.257.506	(437.038.476.577)
Chi phí bán hàng	(1.919.179.320)	(42.060.545.228)	-	-	-	(1.407.646.099)	-	(45.387.370.647)	-	(45.387.370.647)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(527.380.005)	(7.885.933.736)	(12.739.022.413)	(1.230.761.367)	(187.165.117)	(3.512.412.200)	-	(26.082.674.838)	100.205.488	(25.982.469.350)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	310.323.407	20.745.482.906	(12.130.115.022)	2.538.862.084	(862.519.144)	6.509.393.428	-	17.111.427.659	(470.966.083)	16.640.461.576
Doanh thu hoạt động tài chính	16.833	38.666.553	1.155.670.893	7.589.728	89.902	5.239.934	19.220.184.636	20.427.458.479	(19.170.408.182)	1.257.050.297
Chi phí tài chính	(14.059.183)	(1.852.187.610)	(2.834.919.549)	(86.281.964)	-	-	(603.486.167)	(5.390.934.473)	451.790.911	(4.939.143.562)
Thu nhập khác	-	26.116.364	21.049.930.649	327.850.384	-	2.953	1.669.019.988	23.072.920.338	(13.834.981.199)	9.237.939.139
Chi phí khác	-	(39.331.911)	(6.833.798.292)	-	-	(22.000.000)	(1.460.161.969)	(8.355.292.172)	4.827.467.326	(3.527.824.846)
Phân bổ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	42.162.134	42.162.134
Lợi nhuận trước thuế	296.281.057	18.918.746.302	406.768.679	2.788.020.232	(862.429.242)	6.492.636.315	18.825.556.488	46.865.579.831	-	18.710.644.738
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(1.562.251.754)	(319.218.631)	-	-	(1.391.945.231)	-	(3.273.415.616)	-	(3.273.415.616)
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập thuế hoãn lại	-	-	37.597.599	-	-	(92.529.930)	(448.227.867)	(503.160.198)	2.078.116.900	1.574.956.702
Lợi nhuận sau thuế	296.281.057	17.356.494.548	125.147.647	2.788.020.232	(862.429.242)	5.008.161.154	18.377.328.621	43.089.004.017	2.078.116.900	17.012.185.824
Năm trước										
Doanh thu thuần bộ phận	19.549.977.249	244.760.859.323	198.042.572.680	41.588.577.751	-	31.811.455.415	-	535.753.442.418	(103.508.182.714)	432.245.259.704
Giá vốn bộ phận	(16.561.297.362)	(194.894.657.953)	(204.012.412.716)	(36.045.019.264)	-	(3.661.303.906)	-	(455.174.691.201)	103.735.615.199	(351.439.076.002)
Chi phí bán hàng	(1.718.859.737)	(30.538.305.528)	-	-	-	(836.049.683)	-	(33.093.214.948)	-	(33.093.214.948)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(558.526.191)	(7.977.701.195)	(14.432.319.969)	(1.604.145.375)	-	(3.710.473.354)	-	(28.283.166.084)	-	(28.283.166.084)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Sản xuất, kinh doanh bề tổng	Thị công công trình	Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí	Thị công cơ giới	Kinh doanh bất động sản	Không phân bộ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ giao dịch giữa các bộ phận	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	711.293.959	11.350.194.647	(20.402.160.005)	3.939.413.112	-	23.603.628.472	-	19.202.370.185	227.432.485	19.429.802.670
Doanh thu hoạt động tài chính	52.130	12.499.818	182.781.148	17.116.905	-	15.473.987	9.279.368.716 (14.353.977.325)	9.507.292.704	(8.245.307.262)	1.261.985.442
Chi phí tài chính	(39.877.014)	(2.919.705.137)	(3.556.770.605)	(222.661.214)	-	(463.849.231)	5)	(21.556.840.526)	14.600.874.296	(6.955.966.230)
Thu nhập khác	-	162.601.522	5.525.732.501	174.046.558	-	-	2.414.187.454	8.276.568.035	(1.091.814.054)	7.184.753.981
Chi phí khác	-	(340.437.967)	(1.704.278.446)	-	-	(2.540.541.630)	(29.199.199)	(4.614.457.242)	252.533.959	(4.361.923.283)
Phần lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	50.927.103	50.927.103
Lợi nhuận trước thuế	671.469.075	8.265.152.883	(19.954.695.407)	3.907.915.361	-	20.614.711.598	(2.689.620.354)	10.814.933.156	5.794.646.527	16.609.579.683
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(634.680.366)	(234.862.543)	-	-	(1.949.468.134)	-	(2.819.011.043)	-	(2.819.011.043)
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập thuế hoàn lại	-	-	180.928.492	-	-	(3.424.575.175)	2.944.841.206	(298.805.477)	138.541.458	(160.264.019)
Lợi nhuận sau thuế	671.469.075	7.630.472.517	(20.008.629.458)	3.907.915.361	-	15.240.668.289	255.220.852	7.697.116.636	5.933.187.985	13.630.304.621

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đình Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra ở 2 khu vực là tỉnh An Giang và tỉnh Tiền Giang:

- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh An Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang;
- Hoạt động kinh doanh tại tỉnh tiền Giang là hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, các Xi nghiệp trực thuộc và các công ty con (Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO và Công ty TNHH MTV Xây Dựng TICCO).

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm nay		Năm trước	
	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ	Doanh thu thuần khu vực địa lý	Loại trừ giao dịch nội bộ
Tỉnh An Giang	20.368.774.258	(10.120.665.597)	17.675.758.339	(8.010.986.347)
Tỉnh Tiền Giang	623.768.432.969	(108.967.763.480)	518.077.684.079	(95.497.196.367)
Cộng	644.137.207.227	(119.088.429.077)	535.753.442.418	(103.508.182.714)
			Doanh thu thuần khu vực địa lý sau hợp nhất	9.664.771.992
				422.580.487.712
				432.245.259.704

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số dư tài sản khu vực địa lý	Loại trừ số dư nội bộ	Số dư tài sản khu vực địa lý sau hợp nhất	Loại trừ số dư nội bộ
Tỉnh An Giang	9.963.607.550	(267.029.397)	11.129.086.140	252.533.959
Tỉnh Tiền Giang	90.528.096.285	(6.196.229.055)	90.079.415.482	37.976.584
Cộng	100.491.703.835	(6.463.258.452)	101.208.501.622	290.510.543
			Giá trị còn lại của tài sản theo khu vực địa lý	11.381.620.099
				90.117.392.066
				101.499.012.165

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18 và số V.26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.384.155.114	28.186.787.314
Đầu tư ngắn hạn	177.000.000	-
Phải thu khách hàng	102.015.168.721	109.098.758.533
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.338.766.164	2.979.699.622
Ký cược, ký quỹ dài hạn	619.019.388	619.019.388
Cộng	219.534.109.387	140.884.264.857
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	70.334.005.314	53.955.824.893
Phải trả người bán	60.412.552.654	50.783.605.387
Chi phí phải trả	30.529.532.178	39.554.151.717
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.708.128.327	4.785.947.629
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.864.457.297	2.425.455.859
Vay và nợ dài hạn	5.761.000.000	6.467.913.093
Cộng	174.609.675.770	157.972.898.578

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập Báo cáo do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá của vật tư mua vào.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay hoặc thanh toán theo tiến độ thực hiện hợp đồng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ ngắn hạn	70.334.005.314	-	-	70.334.005.314
Phải trả người bán	60.412.552.654	-	-	60.412.552.654
Chi phí phải trả	30.529.532.178	-	-	30.529.532.178
Các khoản phải trả khác	4.708.128.327	-	-	4.708.128.327
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.864.457.297	-	-	2.864.457.297
Vay và nợ dài hạn	-	5.761.000.000	-	5.761.000.000
Cộng	168.848.675.770	5.761.000.000	-	174.609.675.770
Tiền và các khoản tương đương tiền	112.384.155.114	-	-	112.384.155.114
Đầu tư ngắn hạn	177.000.000	-	-	177.000.000
Phải thu khách hàng	102.015.168.721	-	-	102.015.168.721
Các khoản phải thu khác	4.338.766.164	-	-	4.338.766.164
Đầu tư dài hạn khác	-	619.019.388	-	619.019.388
Cộng	218.915.089.999	619.019.388	-	219.534.109.387
Chênh lệch thanh khoản thuần	50.066.414.229	(5.141.980.612)	-	44.924.433.617
Số đầu năm				
Vay và nợ ngắn hạn	53.955.824.893	-	-	53.955.824.893
Phải trả người bán	50.783.605.387	-	-	50.783.605.387
Chi phí phải trả	39.554.151.717	-	-	39.554.151.717
Các khoản phải trả khác	4.785.947.629	-	-	4.785.947.629
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.425.455.859	-	-	2.425.455.859
Vay và nợ dài hạn	-	6.467.913.093	-	6.467.913.093
Cộng	151.504.985.485	6.467.913.093	-	157.972.898.578
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.186.787.314	-	-	28.186.787.314
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	109.098.758.533	-	-	109.098.758.533
Các khoản phải thu khác	2.979.699.622	-	-	2.979.699.622
Đầu tư dài hạn khác	-	619.019.388	-	619.019.388
Cộng	140.265.245.469	619.019.388	-	140.884.264.857
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.239.740.016)	(5.848.893.705)	-	(17.088.633.721)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

Số 90 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)


Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp do các công nợ tài chính thấp hơn tài sản tài chính. Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

6. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Tiền Giang, ngày 28 tháng 3 năm 2015




TRẦN HOÀNG HUÂN
Tổng Giám đốc


LÊ MỸ PHƯỢNG
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ MINH THU
Người lập biểu